TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ - ST
Ngày 22 tháng 8 năm 2017
"V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Lê Xuân Tầm

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.(vắng mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1966

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 3 năm 2017 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị Thu T trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn B ngày 11/3/2012, trước khi cưới có được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh B. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, anh

B thường xuyên chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng cãi vã, mâu thuẫn nhau. Tháng 3/2013, chị và anh B mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã nhau, anh B đánh chửi chị, chị không chịu được nên bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân. Tháng 8 năm 2013, chị xin ly hôn anh B. Quá trình Tòa án giải quyết, anh B có xin lỗi nên chị đã rút đơn về vợ chồng đoàn tụ nhưng anh B không thay đổi, vẫn chứng nào tật nấy nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Đức M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012. Hiện cháu M đang ở cùng anh B. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh M và gia đình anh đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cháu M thì chị cũng đồng ý.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Bùi Văn B nhưng anh B đều không đến Tòa làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H(mẹ đẻ của anh B) khai: Tháng 3/2012, gia đình bà có tổ chức đám cưới cho chị Trần Thị Thu T và anh Bùi Văn B. Sau khi cưới xong, chị T về làm dâu và vợ chồng anh chị dọn ra ở riêng ngay. Tình cảm vợ chồng hòa thuận sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hay xảy ra cãi vã, va chạm với nhau. Tháng 6/2013, vợ chồng anh chị mâu thuẫn căng thẳng. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, hai bên gia đình đã dàn xếp nhưng vợ chồng anh chị không thể hòa hợp sống cùng nhau nên sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh B, bà và gia đình đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh chị được ly hôn vì khả năng đoàn tụ của chị T, anh B là không có. Suốt trong quá trình ly thân, chị T cũng không quay lại thăm gia đình, cả hai anh chị đều không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Đức M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012. Hiện cháu M đang ở cùng anh B và vợ chồng bà. Ly hôn, chị T xin nuôi con nhưng bà cùng gia đình không nhất trí vì chị T đã bỏ con cho anh B và vợ chồng bà nuôi từ khi cháu 07 tháng tuổi. Suốt thời gian đó, chị T cũng chưa về thăm con.

Về tài sản, công nợ: Chị T, anh B có tài sản gì và nợ ai những gì bà và gia đình không biết.

Về công sức: chị T không có công sức gì.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương là xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi chị T và anh B kết hôn và chung sống. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận quá trình kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của

chị T và anh B đúng như chị T và bà H, mẹ anh B trình bày. Nay chị T xin ly hôn anh B, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn vì thời gian anh chị sống ly thân đã lâu (từ tháng 6/2013 đến nay), khó có thể đoàn tụ.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Đức M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012. Hiện cháu M đang ở cùng anh Bắc và ông bà nội. Anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Toà án giải quyết cho anh B tiếp tục được nuôi con để ổn định cuộc sống, sinh hoạt của cháu.

Về tài sản, công nợ: vợ chồng chị T, anh B có tài sản gì, nợ nần ai thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; xử cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn B; Giao cho anh Bùi Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Bùi Đức M, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con không ai được cản trở; Tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu T có đơn xin ly hôn anh Bùi Văn B và đề nghị phân chia nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh B là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xô xát dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2013 đến nay, không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Tại phiên tòa, chị T khẳng định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, giữa chị và anh B không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Quá trình giải quyết vụ án, anh B mặc dù đã được tống đạt hợp pháp các văn bản tố tụng , anh biết việc chị T xin ly hôn với anh nhưng anh không hợp tác giải quyết. Điều đó chứng tỏ anh B không có thiện chí trong việc bày tỏ quan điểm mong muốn hàn gắn tình cảm vợ

chồng, không có quyết tâm đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Đức M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012. Hiện cháu M đang ở cùng anh B. Ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh B và gia đình anh đề nghị tiếp tục nuôi dưỡng cháu M thì chị cũng đồng ý. Gia đình anh B không nhất trí cho chị T nuôi con vì chị T đã bỏ con cho anh B và ông bà nội nuôi từ khi cháu 07 tháng tuổi.

Xét nguyện vọng của chị T và gia đình anh B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong suốt thời gian chị T và anh B ly thân, cháu M đã ở cùng bố và ông bà nội đến nay cháu được gần 5 tuổi. Anh B được bố mẹ hỗ trợ chăm sóc con nên cuộc sống của cháu M ổn định, phát triển tốt. Bản thân chị T mặc dù có nguyện vọng được nuôi con nhưng cũng đồng ý để cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M nếu anh B và gia đình không đồng ý để chị nuôi cháu. Do vậy để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu, giúp cháu có được sự phát triển ổn định, tốt nhất nên giao cháu M cho anh Bắc được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[4]. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị T, anh B không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

Xử:

1. Cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn B

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Đức M, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2012. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004114 ngày 13 tháng 02

năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường; Chị Trần Thị Thu T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
-Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Thượng Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Đoan Trang